BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
Số: 970/QĐ-VKHTLVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy chế Quản lý hoạt động Khoa học Công nghệ Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ quyết định số 55/2008/QĐ-BNN ngày 24/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Thuỷ lợi Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 43/2013/TT-BNN ngày 22/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT, ngày 24/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ vào yêu cầu tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ đối với các đề tài, dự án do Viện chủ trì thực hiện;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch, Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 665/QĐ-VKHTLVN ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam ban hành Quy chế quản lý Khoa học Công nghệ.

Điều 3. Trưởng Ban: Tổ chức, Hành chính; Kế hoạch, Tổng hợp; Tài chính, Kế toán; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: KHTH, VT.

GIÁM ĐỐC

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

Nguyễn Vũ Việt

QUY CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo quyết định số 370 /QĐ-VKHTLVN ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Giám đốc Viện Khoa học Thuỷ lợi Việt Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục tiêu ban hành quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ (sau đây gọi tắt là Quy chế) là nhằm thống nhất quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện) phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Phạm vi điều chỉnh của Quy chế gồm: Chiến lược, Kế hoạch phát triển Khoa học công nghệ; các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ và các ứng dụng công nghệ mới sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học/sự nghiệp kinh tế thuộc trách nhiệm quản lý của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KHCN).

3. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cá nhân và đơn vị thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc trách nhiệm quản lý của Viện.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý.

Hoạt động khoa học công nghệ của Viện tuân thủ theo Luật Khoa học và Công nghệ, các quy định hiện hành;

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam là đầu mối tổng hợp và điều phối các nguồn lực khoa học công nghệ của toàn Viện để giải quyết các nhiệm vụ KHCN trọng tâm, trọng điểm của Bộ, của ngành và các địa phương;

Công tác chỉ đạo điều hành hoạt động KHCN tuân thủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân cấp quản lý của Viện.

Điều 3. Các hoạt động KHCN

1. Chiến lược phát triển Khoa học công nghệ: là kế hoạch nghiên cứu dài hạn với tầm nhìn trước tương lai giúp phát triển KHCN của Viện đạt được nhưng kết quả phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2. Kế hoạch Khoa học công nghệ 5 năm và hàng năm: là kế hoạch nghiên cứu trong một giai đoạn nhất định của chiến lược KHCN.

3. Các loại nhiệm vụ khoa học công nghệ.

3.1. Nhiệm vụ cấp Quốc gia:

- Đề tài/dự án sản xuất thử nghiệm thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp Quốc gia;
- Đề tài/dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp Quốc gia;
- Đề tài hợp tác quốc tế theo Nghị định thư;

- Đề tài nghiên cứu cơ bản do Hội đồng khoa học xác định;

- Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản qua Quỹ NAFOSTED

- Các Đề án/dự án KHCN cấp quốc gia khác.

3.2. Nhiệm vụ cấp Bộ:

- Đề tài cấp Bộ (giao trực tiếp hoặc đấu thầu tuyển chọn và thí điểm đặt hàng sản phẩm KHCN);

- Đề tài thuộc chương trình cấp Bộ;

- Đề tài thuộc chương trình mục tiêu của Nhà nước giao cho Bộ thực hiện;

- Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ;

- Nhiệm vụ môi trường;

- Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Các nhiệm vụ điều tra được Bộ giao;

- Các dự án thử nghiệm được Bộ giao cho Viện làm chủ đầu tư.

3.3. Nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh/Thành phố: Sử dụng nguồn kinh phí của địa phương.

3.4. Nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở:

- Nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên theo chức năng;

- Đề tài cấp cơ sở được Bộ phân cấp quản lý cho Viện;

- Đề tài nghiên cứu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của Viện.

Chương II

QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 4. Chiến lược phát triển KHCN.

1. Viện chủ trì xây dựng, quản lý việc thực hiện chiến lược phát triển KHCN chung toàn Viện.

2. Các đơn vị trực thuộc chủ trì xây dựng và trình Viện phê duyệt chiến lược phát triển KHCN của đơn vị trên cơ sở chiến lược của Viện và quản lý việc thực hiện chiến lược KHCN của đơn vị sau khi được Viện phê duyệt.

3. Viện tổ chức thẩm định, phê duyệt chiến lược phát triển KHCN của từng đơn vị, đánh giá mức độ hoàn thành định kỳ 5 năm một lần với chiến lược phát triển KHCN của đơn vị và chiến lược KHCN chung toàn Viện.

Điều 5. Kế hoạch Khoa học công nghệ.

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch KHCN 5 năm, hàng năm trình Viện.

2. Viện rà soát, tổng hợp kế hoạch KHCN 5 năm, hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền.

3. Viện tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch KHCN của từng đơn vị và của toàn Viện vào tháng 12 hàng năm. Kết quả đánh giá là cơ sở để xếp loại năng lực KHCN của đơn vị, xét giao kế hoạch KHCN năm sau, xét thi đua khen thưởng.

Chương III

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 6. Phân cấp quản lý.

1. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

Các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do Viện chủ trì thực hiện:

- Viện chủ trì giao nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, thành lập tổ chuyên gia kiểm tra sản phẩm của nhiệm vụ KHCN; Chủ trì tổ chức Hội đồng tự đánh kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN trước khi trình nghiệm thu chính thức.

- Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện đôn đốc, kiểm tra công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do các đơn vị trực thuộc là đơn vị chủ trì:

- Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện, tự chịu trách nhiệm và báo cáo Viện khi có yêu cầu, phải nộp cho Viện đầy đủ bản sao hồ sơ nhiệm vụ KHCN trong quá trình thực hiện theo đúng tiến độ và hồ sơ lưu trữ sau khi kết thúc nhiệm vụ;

- Đơn vị chủ trì thành lập tổ chuyên gia kiểm tra sản phẩm của nhiệm vụ KHCN; Chủ trì tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN báo cáo Viện tham gia giám sát trước khi trình nghiệm thu chính thức.

2. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:

- Bộ NN & PTNT chủ trì phối hợp với Viện tổ chức Hội đồng thẩm định và phê duyệt đề cương - dự toán tổng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả hàng năm và nghiệm thu chính thức.

- Viện chủ trì tổ chức kiểm tra tiến độ khi cần thiết, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN trước khi trình Bộ nghiệm thu chính thức.

- Các đơn vị tổ chức thẩm định, phê duyệt đề cương - dự toán hàng năm, thành lập tổ chuyên gia kiểm tra sản phẩm của nhiệm vụ KHCN, quản lý kinh phí, đôn đốc, kiểm tra công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

3. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở:

- Viện phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở, tổ chức Hội đồng thẩm định và phê duyệt đề cương - dự toán tổng, nghiệm thu chính thức.

- Các đơn vị tổ chức kiểm tra định kỳ, quản lý kinh phí, đôn đốc, kiểm tra công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

4. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh/Thành phố:

- Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp do Viện chủ trì, Viện quản lý như nhiệm vụ cấp Bộ.

- Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh/Thành phố do các đơn vị chủ trì, thủ trưởng các đơn vị chủ động tổ chức thực hiện, tự chịu trách nhiệm và báo cáo Viện khi có yêu cầu, phải nộp cho Viện đầy đủ bản sao hồ sơ nhiệm vụ KHCN trong quá trình thực hiện theo đúng tiến độ và hồ sơ lưu trữ sau khi kết thúc nhiệm vụ;

- Quy trình xây dựng, quản lý, thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh/Thành phố phải tuân theo hướng dẫn của sở KHCN các Tỉnh/Thành phố.

Điều 7. Xác định nhiệm vụ KHCN các cấp.

Viện chủ trì tổng hợp, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCN các cấp trình Bộ và cấp có thẩm quyền trên cơ sở định hướng nghiên cứu của Hội đồng khoa học Viện, các đề xuất của đơn vị, các thành viên hội đồng khoa học.

Điều 8. Tham gia tuyển chọn nhiệm vụ KHCN các cấp.

1. Khi có thông báo tuyển chọn đơn vị và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN của Bộ NN&PTNT, Bộ KHCN, các Sở KHCN, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo Viện về việc đăng ký tham gia chủ trì hoặc phối hợp với các tổ chức khác ngoài Viện để Viện điều phối tránh chồng chéo giữa các đơn vị trong Viện;

2. Viện giao nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp tham gia tuyển chọn dựa trên chức năng nhiệm vụ, chiến lược đã được phê duyệt của đơn vị phù hợp với hướng nghiên cứu của nhiệm vụ KHCN, năng lực KHCN và khối lượng các nhiệm vụ KHCN đang được đơn vị thực hiện, ưu tiên cho đơn vị đã đề xuất nhiệm vụ đó.

Điều 9. Thẩm định và phê duyệt Thuyết minh - dự toán nhiệm vụ KHCN.

Trách nhiệm thẩm định và phê duyệt thuyết minh - dự toán nhiệm vụ KHCN theo phân cấp ở trên.

Sau khi phê duyệt đơn vị tổng hợp và nộp cho Viện 02 bộ (Ban KHTH; TCKT).

Trình tự, thời gian, tiến độ chuẩn bị, tổ chức thẩm định và phê duyệt thuyết minh - dự toán nhiệm vụ KHCN được quy định cụ thể trong quy trình quản lý công tác nghiên cứu khoa học công nghệ QT751-01/KHTL (QT751-01/KHTL).

Điều 10. Ký hợp đồng nghiên cứu.

Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện nhiệm vụ KHCN theo mẫu do cơ quan chủ quản nhiệm vụ quy định.

Điều 11. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ KHCN.

- Kiểm tra định kỳ:

+ Viện phối hợp với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCN kiểm tra định kỳ các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do Viện chủ trì và cấp Bộ 01 lần/năm. Các nhiệm vụ khác do đơn vị chủ trì, đơn vị chủ động phối hợp với cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCN tổ chức kiểm tra và báo cáo Viện bố trí người tham dự.

+ Lãnh đạo đơn vị thực hiện chủ trì phối hợp với Ban Kế hoạch Tổng hợp và Ban Tài Chính Kế toán tổ chức kiểm tra 01 lần/năm đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở.

+ Định kỳ hàng năm, Viện thành lập đoàn công tác làm việc với các đơn vị nhằm: trao đổi thông tin, định hướng nghiên cứu; kiểm tra, nắm bắt tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN; hỗ trợ các đơn vị và chủ nhiệm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

+ Trong trường hợp đặc biệt Viện có thể tổ chức kiểm tra đột xuất.

- Kiểm tra sản phẩm của nhiệm vụ KHCN:

+ Trách nhiệm thành lập tổ chuyên gia đánh giá sản phẩm của nhiệm vụ KHCN được thực hiện theo phân cấp ở trên.

+ Đối với các nhiệm vụ KHCN có nội dung xây dựng mô hình thử nghiệm, đơn vị chủ trì thực hiện chủ động lập kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện tại hiện trường và báo cáo Viện bố trí người tham dự.

+ Kết thúc đợt kiểm tra các đơn vị có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo kết quả về Viện để tổng hợp, đề xuất điều chỉnh nội dung nghiên cứu và phương án xử lý khi cần thiết, báo cáo trình cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Thành phần tổ kiểm tra, quy trình, nội dung, tài liệu chuẩn bị kiểm tra thực hiện theo hướng dẫn tại QT751-01/KHTL.

+ Biển bản kiểm tra sản phẩm nhiệm vụ KHCN là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ nghiệm thu kết thúc.

Điều 12. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN các cấp.

1. Một số quy định chung:

Nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ hoặc Tỉnh/Thành phố được đánh giá, nghiệm thu 2 cấp: Cấp cơ sở (tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ) do cơ quan chủ trì đánh giá, nghiệm thu và cấp quản lý.

Nhiệm vụ cấp cơ sở: Nghiệm thu 1 cấp (Viện chủ trì nghiệm thu).

2. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

Thực hiện theo Quy định tại các Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ KHCN.

b. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:

Thực hiện theo quy định tại điểm a, c và d khoản 5 Điều 19 Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT, ngày 24/4/2015 của Bộ NN&PTNT.

3. Nghiệm thu chính thức:

a. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

Thực hiện theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN, ngày 30/5/2014 của Bộ KHCN.

b. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:

Thực hiện theo Quy định tại Điều 19, Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT, ngày 24/4/2015 của Bộ NN&PTNT.

c. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở:

Thực hiện theo hướng dẫn tại QT751-01/KHTL.

Điều 13. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Các nhiệm vụ KHCN do Viện chủ trì thực hiện:

Chủ nhiệm có trách nhiệm báo cáo đơn vị những vấn đề phát sinh cần phải thay đổi về nội dung, tiến độ thực hiện nhiệm vụ KHCN và trình Viện (qua Ban Kế hoạch, Tổng hợp) xem xét quyết định (đối với Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở) hoặc làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền quyết định (đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ).

Các nhiệm vụ KHCN do đơn vị chủ trì thực hiện:

Đơn vị chủ động trình cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh cần phải thay đổi và báo cáo Viện.

Điều 14. Công tác thông tin, lưu trữ nhiệm vụ KHCN.

1. Công tác thông tin KHCN: Theo quy định về công tác thông tin tuyên truyền KHCN.

- Khuyến khích các Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN đăng kết quả nghiên cứu trên các tạp chí nước ngoài.

- Các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp Quốc gia phải có tối thiểu 02 bài báo đăng tải trên tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy lợi hoặc các tạp chí chuyên ngành tương đương.

- Các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở phải có tối thiểu 01 bài báo đăng tải kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN trên tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy lợi hoặc các tạp chí chuyên ngành tương đương.

- Các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia và cấp Bộ có trách nhiệm tham gia quảng bá sản phẩm nghiên cứu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo, triển lãm, khuyến khích các nhiệm vụ cấp cơ sở tham gia quảng bá sản phẩm nghiên cứu. Nội dung quảng bá, hội thảo, triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu phải được Viện thông qua.

2. Công tác lưu trữ

Các nhiệm vụ KHCN sau khi nghiệm thu chính thức phải hoàn thiện, giao nộp sản phẩm lưu trữ theo quy định của cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCN và của Viện (theo hướng dẫn tại QT751-01/KHTL).

Điều 15. Một số quy định khác.

1. Quy định về nội dung tham quan học tập nước ngoài.

Viện khuyến khích đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học nhằm tìm kiếm các đối tác chiến lược, thông tin về các công nghệ mới và mô hình tổ chức hoạt động KHCN tiên tiến phục vụ cho chiến lược phát triển chung của toàn Viện, sử dụng hiệu quả nguồn vốn nghiên cứu khoa học.

Đối với các nhiệm vụ KHCN có hạng mục tham quan học tập tại nước ngoài, ngay sau khi đề cương dự toán được phê duyệt chủ nhiệm lập bản kế hoạch tham quan học tập tại nước ngoài (nêu rõ mục tiêu, nội dung, thành phần đoàn, cơ quan, tổ chức đến tham quan, học tập,...) nộp về Viện để tổ chức thẩm định cơ sở. Sau khi tham quan học tập ở nước ngoài về nước, trong vòng 10 ngày trưởng đoàn công tác phải có báo cáo chung kết quả thu hoạch gửi về Viện (Ban Kế Hoạch, Tổng hợp; Ban Tổ chức, Hành chính) và phải có 01 bài thông tin về kết quả thu được từ nghiên cứu học tập ở nước ngoài đăng trên tạp chí KHCN Thủy lợi của Viện.

2. Quy định về hội thảo khoa học.

a. Đối với các nhiệm vụ KHCN có hạng mục hội thảo khoa học, hàng năm chủ nhiệm phải lập bản kế hoạch chi tiết về thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình, thành phần tham dự hội thảo.

b. Phân cấp phê duyệt kế hoạch hội thảo:

Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do Viện chủ trì, cấp Bộ: Giám đốc Viện phê duyệt.

Đối với các nhiệm vụ KHCN khác: Thủ trưởng đơn vị phê duyệt.

3. Đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ, tiến bộ kỹ thuật cho các sản phẩm KHCN.

Viện khuyến khích các đơn vị thực hiện và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ, tiến bộ kỹ thuật cho các sản phẩm nhiệm vụ KHCN.

Các dự án sản xuất thử nghiệm phải có ít nhất 01 sản phẩm được đăng ký tiến bộ kỹ thuật, trước khi nghiệm thu cấp chính thức, hồ sơ đăng ký tiến bộ kỹ thuật phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Sản phẩm KHCN tạo ra từ nguồn vốn ngân sách do Viện chủ trì thực hiện, khi đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ, tiến bộ kỹ thuật thì Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam là chủ sở hữu, cá nhân (các cá nhân) thực hiện nhiệm vụ KHCN là tác giả (đồng tác giả) của sản phẩm KHCN đã đăng ký.

Các tác giả (đồng tác giả) được hưởng mức thù lao theo quy định.

Hàng năm, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tổng hợp thống kê các công nghệ, sản phẩm khoa học đã đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ, tiến bộ kỹ thuật về Viện.

4. Quy định tiêu chuẩn cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Có chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu được giao, có ít nhất 5 năm kinh nghiệm đối với nhiệm vụ khoa học cấp Quốc gia, cấp Bộ, có 3 năm kinh nghiệm đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở.

Được làm chủ nhiệm đồng thời không quá 01 nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia và 01 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ (hoặc tương đương).

Không giao chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cho các cán bộ khoa học còn thời gian làm việc theo quy định dưới 2/3 thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Những cán bộ khoa học đang chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN, được nghỉ chế độ hoặc chuyển công tác sang đơn vị khác ngoài Viện phải bổ sung 01 phó chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN – là cán bộ đang công tác tại đơn vị thực hiện nhiệm vụ KHCN đó.

Các cán bộ khoa học trong quy hoạch GS, PGS, đang làm nghiên cứu sinh được xem xét ưu tiên làm chủ nhiệm các nhiệm vụ KHCN.

5. Cấp phát kinh phí và quyết toán tài chính.

Việc cấp phát kinh phí được thực hiện theo Luật Ngân sách hiện hành, cấp phát đúng tiến độ.

Trường hợp không sử dụng hết kinh phí trong năm tài chính, đơn vị thực hiện nhiệm vụ KHCN phải có văn bản trình Viện để tổng hợp báo cáo Bộ trước ngày 15 tháng 12 để cho chuyển kinh phí sang năm sau.

Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN lập báo cáo quyết toán năm trước ngày 20 tháng 12 nộp bộ phận Kế toán của đơn vị để quyết toán hàng năm. Kết quả đánh giá, nghiệm thu hàng năm là căn cứ để quyết toán năm.

Báo cáo quyết toán tài chính là cơ sở để thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn

1. Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam:

- Phê duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển KHCN dài hạn và ngắn hạn của Viện và các đơn vị trực thuộc;

- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ các cấp hàng năm trình Bộ;

- Phê duyệt đề cương dự toán, kế hoạch tham quan học tập ở nước ngoài, kế hoạch hội thảo, chủ trì kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả hàng năm và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia (do Viện chủ trì) và cấp Bộ trước khi trình cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu chính thức;

- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định và phê duyệt đề cương - dự toán tổng, hội đồng nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở;

- Quyết định giao danh mục nhiệm vụ KHCN và dự toán cho các đơn vị sau khi có thông báo kế hoạch hàng năm của Bộ Nông nghiệp & PTNT;

- Xem xét, kiến nghị Bộ điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian và người chủ trì đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do Viện chủ trì và cấp Bộ khi cần thiết.

2. Hội đồng khoa học:

- Thẩm định và đề xuất Viện phê duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển KHCN của các đơn vị trực thuộc;

- Họp định kỳ vào tháng 2 hàng năm để đề xuất định hướng nghiên cứu và tư vấn giúp Giám đốc Viện xác định nhiệm vụ KHCN trình Bộ;

- Tư vấn giúp Giám đốc Viện đánh giá mức độ hoàn thành chiến lược, kế hoạch KHCN của các đơn vị trực thuộc và của toàn Viện.

3. Ban Kế hoạch Tổng hợp:

- Tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn và hàng năm về KHCN của Viện;

- Xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành hoạt động KHCN;

- Chủ trì lập dự toán kinh phí cho hoạt động xây dựng kế hoạch để trình Giám đốc Viện phê duyệt (bao gồm: Công tác hội họp xác định nhiệm vụ, phối hợp với các Bộ ngành liên quan để xây dựng kế hoạch…);

- Tổng hợp kế hoạch triển khai nhiệm vụ KHCN hàng năm để trình Giám đốc Viện;

- Tổ chức tư vấn lựa chọn danh mục nhiệm vụ KHCN các cấp trình Giám đốc phê duyệt;

- Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Viện và các Vụ chức năng của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Khoa học công nghệ thẩm định nội dung nhiệm vụ KHCN tiến hành hàng năm;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát và nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KHCN theo phân cấp ở trên;

- Thẩm định, trình Giám đốc Viện phê duyệt kế hoạch tham quan học tập ở nước ngoài, kế hoạch hội thảo đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do Viện chủ trì và cấp Bộ;

- Đề xuất với Viện trình Bộ điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian và người chủ trì đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do Viện chủ trì và cấp Bộ khi cần thiết;

- Đề xuất với Viện phê duyệt điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian và cá nhân chủ trì hoặc chấm dứt hợp đồng đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở khi cần thiết;

- Tổng hợp, thống kê, báo cáo Bộ định kỳ hoặc khi có yêu cầu;

- Tổ chức lưu trữ, thông tin khoa học công nghệ khai thác cơ sở dữ liệu của các nhiệm vụ KHCN phục vụ cho mục đích chung của Viện.

4. Ban Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Ban Kế hoạch Tổng hợp, các Đơn vị thành viên, các vụ chức năng của Bộ NN&PTNT, Bộ KHCN thẩm định dự toán kinh phí các nhiệm vụ KHCN;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chế độ chi tiêu và thanh quyết toán kinh phí và thu hồi sản phẩm hàng năm và khi kết thúc nhiệm vụ KHCN;

- Kiến nghị với Giám đốc xử lý vi phạm khi đơn vị, cá nhân có sai phạm về tài chính.

5. Các đơn vị trực thuộc:

- Chủ trì xây dựng và trình Viện duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển KHCN của đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ được Bộ giao;

- Đề xuất kế hoạch KHCN các cấp thường xuyên trong năm trình Viện;

- Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp theo phân cấp tại điều 6 quy chế này;

- Trực tiếp quản lý hoạt động chi tiêu tài chính của các nhiệm vụ KHCN theo luật ngân sách và quyết toán tài chính với đơn vị quản lý cấp trên đúng thời hạn;

- Tạo điều kiện về thời gian, bố trí nhân lực để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN thực hiện nhiệm vụ;

- Phối hợp với Chủ nhiệm giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN;

- Theo dõi, quản lý và báo cáo (khi có yêu cầu) cho Viện tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN, ứng dụng công nghệ mới được sử dụng bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học/sự nghiệp kinh tế (cả Trung ương và địa phương).

6. Người Chủ trì nhiệm vụ KHCN:

- Tổ chức thực hiện và hoàn thành những nội dung theo đề cương đã được phê duyệt, và sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Viện;

- Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn kết quả thực hiện và tiến độ giải ngân với cơ quan chủ trì và cơ quan quản lý;

- Đề xuất thay đổi nội dung, địa điểm, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ KHCN với cơ quan chủ trì, cơ quan quản lý và chỉ được thực hiện những thay đổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý;

- Đề xuất, trình Giám đốc Viện (thủ trưởng đơn vị) ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài đơn vị để triển khai nội dung nghiên cứu theo đúng quy định hiện hành; Được hưởng thù lao về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình tạo ra theo quy định của pháp luật; Được hưởng chế độ phụ cấp theo chế độ hiện hành;

- Báo cáo nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành;

- Tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định của Viện (quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý công tác nghiên cứu KHCN);

- Làm thủ tục để xin cấp chứng nhận bảo hộ quyền sở hữu (nếu có).

7. Những người tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Nộp thuế thu nhập cá nhân đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Khen thưởng.

- Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN thực hiện tốt sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành.

- Nhiệm vụ KHCN được nghiệm thu xuất sắc, có sản phẩm được công nhận tiến bộ kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, có các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc

hệ thống ISI, các cá nhân chủ trì, tham gia được xem xét đề nghị tăng lương trước thời hạn và được ưu tiên khi tham gia tuyển chọn các nhiệm vụ KHCN mới.

2. Xử lý vi phạm.

1. Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN vi phạm quy chế này, tuỳ theo mức độ sẽ bị xử lý theo những hình thức sau đây:

a. Khiển trách: đối với các Chủ trì nhiệm vụ KHCN nộp báo cáo chậm 1 tháng hoặc nội dung báo cáo không đáp ứng yêu cầu so với quy định.

b. Cảnh cáo: đối với các Chủ trì nhiệm vụ KHCN nộp báo cáo chậm 3 tháng hoặc báo cáo chậm 2 kỳ liên tục so với quy định.

c. Đình chỉ chủ trì thực hiện: đối với các nhiệm vụ KHCN vi phạm về quản lý tài chính hoặc tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung, thời gian và địa bàn thực hiện.

d. Không được chủ trì nhiệm vụ KHCN trong thời gian 3-5 năm nếu nhiệm vụ KHCN nghiệm thu ở mức không đạt.

e. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị xử lý theo pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN: Thủ trưởng đơn vị chịu hình thức khiển trách nếu đơn vị có cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN bị đình chỉ thực hiện; chịu hình thức cảnh cáo nếu đơn vị có cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN vi phạm pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện.

1. Ban Kế hoạch Tổng hợp: hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy chế này và tổng hợp báo cáo Viện.

2. Ban Tài chính Kế toán: hướng dẫn nghiệp vụ tài chính cho các tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Ban Kế hoạch Tổng hợp, Tài chính Kế toán, các đơn vị có liên quan và cá nhân tham gia hoạt động khoa học công nghệ chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị báo cáo Viện (qua Ban Kế hoạch Tổng hợp) để tổng hợp trình Viện bổ sung và sửa đổi./.